TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HC-PT
Ngày 16/01/2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp hủy giấy CNQSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Tô Chánh Trung

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 425/2018/TLPT-HC ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp hủy giấy CNQSDĐ".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2018/HCST ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2018/QĐXXPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1933; địa chỉ thường trú: USA; địa chỉ tạm trú: đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1940; địa chỉ thường trú: Đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Tạ Thanh P, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường P, tổ X, phường L, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D1 – Luật sư, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí

Minh; địa chỉ: đường N, khu phố A, phường Đ, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Mai Hùng D2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 973/UBND-BTCD ngày 13/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương) vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố T; địa chỉ: đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Trọng A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (Văn bản ủy quyền số 123/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T) vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Quách Hải C, sinh năm 1955; địa chỉ: đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1954; địa chỉ: khu nhà ở tái định cư C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền có số chứng thực 1538, quyển số 01-SCT/CK, CĐ) vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3.3. Bà Đỗ Thị Trang A1, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3.4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường L, phường Hòa Phú, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân N – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 1370/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 04/4/2018 của Giám Đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Tạ Thanh P trình bày:*

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y:

Ngày 04/7/1977, Ủy ban nhân dân (viết là UBND) tỉnh Sông Bé cũ (nay là tỉnh Bình Dương) cấp cho ông D Giấy phép xây dựng cơ sở sửa chữa phương tiện cơ giới số 288/UB/SB cho phép ông D được xây dựng 01 cơ sở tư nhân sửa chữa cơ giới tại phường P, thị xã T, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Ngày 20/7/1977, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé ban hành Giấy phép số: 314/UB- SB chính thức cho xưởng sửa chữa cơ giới Sông Bé đi vào hoạt động.

Theo hai giấy phép này, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho xưởng khu vực đất rộng 01 ha, tọa lạc tại G, xã P, thị xã T để xây dựng mặt bằng xưởng, hiện nay là một phần vị trí đất đang khiếu kiện trong vụ án này (một phần ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đang sử dụng và một phần hiện do gia đình bà Nguyễn Thị L sử dụng - đã được Tòa án phúc thẩm thụ lý trong vụ án hành chính khác).

Sau khi nhận được đất trên thực địa, ông Hoàng Quốc D đã tiến hành khai phá, xây dựng, tổ chức sản xuất và sử dụng đất cho đến khi bị bắt, không có ai tranh chấp.

Ngày 02/02/1978, ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y bị bắt về hành vi mua bán xe trái phép. Theo kết tội của công an là không đúng tuy nhiên kể từ ngày này xưởng ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y phải bị ngưng hoạt động.

Ngày 24/6/1978 Ty Công an tỉnh Sông Bé lập Biên bản số 86 bàn giao toàn bộ nhà cửa, đất đai, tài sản giao cho Ty Giao thông vận tải tỉnh Sông Bé quản lý theo công văn số 318 ngày 08/06/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé.

Ngày 02/02/1985, ông Hoàng Quốc D được trả tự do về cư trú tại Xưởng cũ và bị quản chế 24 tháng. Do bị quản chế nên ông Hoàng Quốc D không được thực hiện quyền khiếu nại đòi lại tài sản mặc dầu trong thời gian bị giam 08 năm không có một phiên tòa nào xét xử.

- Quá trình khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại:

Ngày 07/3/1985, Công an và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sông bé (nay là tỉnh Bình Dương) lập biên bản hoàn trả cho ông Hoàng Quốc D một số tài sản tạm giữ khi bắt ông Hoàng Quốc D (chủ yếu là tư trang đá quý và vàng).

Ngày 26/5/1987, ông Hoàng Quốc D gửi đơn khiếu nại yêu cầu hoàn trả toàn bộ tài sản của ông Hoàng Quốc D, trong đó có nhà đất đến Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương), Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé, Tòa án nhân dân và Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Sông Bé, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân thành phố T (có biên lai bưu điện).

Năm 1988, ông Hoàng Quốc D tiếp tục khiếu nại gửi đến Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam và Tòa án nhân dân tối cao (có giấy mời của hai cơ quan này).

Ngày 18/7/1989, đại diện cơ quan thanh tra của tỉnh Sông Bé lập biên bản kiểm kê tài sản của ông Hoàng Quốc D, đây là những tài sản nằm trong kho, nằm ngoài sổ sách của xí nghiệp vận tải Sông Bé (thuộc Ty giao thông tỉnh Sông Bé) có biên bản kèm theo.

Ngày 01/8/1990, ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra nhà nước tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương).

Ngày 27/10/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé họp Hội đồng xét khiếu tố đối với đơn khiếu nại của ông Hoàng Quốc D, Biên bản số 46/BB.UB. Nội dung: Xác định đơn khiếu nại của ông Hoàng Quốc D là có cơ sở, đúng sự thật; giao Thanh tra cùng Sở Giao thông vận tải tỉnh xác định rõ tài sản còn lại cái nào của ông Hoàng Quốc D, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh; giao Chi cục Quản lý đất đai và Sở xây dựng đo đạc, điều tra lại việc cấp đất cho Xưởng sửa chữa cơ giới của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y, đề xuất cấp đất hoặc thu hồi đất của các hộ dân đã làm nhà ở xưởng này nhưng các cơ quan nói trên không thi hành nghiêm túc?

Ngày 10/6/1991, ông Hoàng Quốc D tiếp tục khiếu nại gửi đến Ban chấp hành trung ương Đảng, Ủy ban Thanh tra Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải (có biên lai bưu điện).

Ngày 03/6/1991, ngày 28/6/1991 và ngày 11/6/1991 Ban chấp hành trung ương Đảng, Ủy ban Thanh tra nhà nước, Hội đồng bộ trưởng đã chuyển đơn của ông Hoàng Quốc D đến Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) giải quyết (có phiếu chuyển đơn).

Ngày 12/11/1991, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 412/QĐ-ƯB về việc trả lại tài sản của ông Hoàng Quốc D do Xí nghiệp vận tải ô tô thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sông Bé quản lý.

Đến ngày 26/11/1991, Xí nghiệp vận tải ô tô thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sông Bé lập Biên bản số 195/XN hoàn trả cho ông Hoàng Quốc D một số tài sản là động sản, còn lại nhà cửa, đất đai của ông Hoàng Quốc D thì chưa hoàn trả.

Ngày 26/11/1991, Xí nghiệp vận tải ô tô lần đầu hoàn trả cho ông Hoàng Quốc D một số tài sản do Thanh tra kiểm kê tại kho xí nghiệp ngày 17/8/1989 (có biên bản bàn giao kèm theo).

Ngày 04/8/1992, Xí nghiệp vận tải ô tô ra Công văn số 95/XN gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban thanh tra nhà nước tỉnh Sông Bé trình bày một số khó khăn trong việc thực hiện Quyết định số 421 của tỉnh Sông Bé về việc hoàn trả tài sản cho ông Hoàng Quốc D.

Ngày 05/8/1992, Thanh tra Tỉnh ra Công văn số: 79/CV.TTr về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Hoàng Quốc D về việc Xí nghiệp vận tải ô tô không thi hành tiếp Quyết định số 421. Thanh tra cho biết là Xí nghiệp ô tô sẽ tiếp tục xem xét giải quyết hoàn trả những tài sản còn lại cho ông Hoàng Quốc D tại biên bản số 86 ngày 24/6/1978 (kèm theo công văn số 79 của thanh tra tỉnh).

Ngày 07/02/1993, trong khi ông Hoàng Quốc D chưa được nhận lại nhà, đất, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) lại ban hành Quyết định số: 335/QĐ-UB về việc thu hồi diện tích đất 2.677,00m^2 của xã P (nay là phường Phú Thọ) mà thực chất là của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y và cấp giấy phép sử dụng diện tích đất trên cho Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Sông Bé (nay là Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an tỉnh Bình Dương). Ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y không có quyết định nào của nhà nước thu hồi Giấp phép cấp đất số 314 ngày 20/7/1977 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé cấp cho ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y (kèm theo quyết định số 335).

Đến ngày 30/6/1995, Phòng Cảnh sát Kinh tế ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cùng nhà, xưởng trên đất cho vợ chồng ông Quách Hải C và bà Trần Thị H với số tiền 90 triệu đồng (kèm theo hợp đồng chuyển nhượng).

Ngày 15/02/1998, bà Nguyễn Thị Bạch Y tiếp tục khiếu nại, yêu cầu thực hiện Quyết định 421 và hoàn trả nhà đất cho ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y gửi đến Ban Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã T và Uỷ ban nhân dân phường Phú Thọ.

Ngày 14/4/1998, Ban Thanh tra Sở Giao thông vận tải chuyển đơn của bà Nguyễn Thị Bạch Y đến Sở Địa chính và Sở Xây dụng để giải quyết nhưng không giải quyết được gì.

Năm 1989 đến năm 2016 ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y tiếp tục khiếu nại, yêu cầu thực hiện Quyết định 421 và hoàn trả nhà đất cho ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương, các Cơ quan trung ương và tỉnh, Công an tỉnh, thị xã T (có đơn lưu, giấy thông báo biên nhận và bảo đảm bưu điện kèm theo).

Đến ngày 02/10/2001, ông C và bà H được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (lúc này đã tách tỉnh Sông Bé thành 02 tỉnh là Bình Dương và Bình Phước) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và Quyền sử dụng đất, đến ngày 23/01/2002 ông C và bà H tiếp tục được Uỷ ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất đối với diện tích 2.267m^2. Lúc này ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y không được biết việc này, vì ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y cứ nghĩ đợi các cơ quan nhà nước hoàn trả và ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đang chờ đợi.

Khi phát hiện việc đất của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đã thuộc chủ quyền theo giấy tờ của ông C và bà H, họ đang tiến hành xây dựng quy mô lớn nên ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đã khiếu nại tiếp.

Từ năm 2008 đến năm 2011, Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ, thị xã T tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y với vợ chồng ông C và bà H nhưng không thành. Ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y tiếp tục khiếu nại đến nay không được cơ quan nào giải quyết, nên ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y khởi kiện ra Tòa án các cấp.

Ngày 27/9/2010 Uỷ ban nhân dân thị xã T ra Công văn số: 2835/UBND - NC về việc thu hồi Công văn số 679/UBND-NC ngày 05/3/2010 của Uỷ ban nhân dân thị xã. Nội dung: Việc khiếu nại của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y không đủ điều kiện thụ lý và đã có Thông báo số 127/TB-UBND ngày 07/5/2010 về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y (ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y không nhận được thông báo số 127).

Căn cứ Điều 36 của Luật Khiếu nại, tố cáo; Điều 3 Nghị quyết số 56 ngày 24/11/2010; Điều 4 Nghị quyết số 01 ngày 29/7/2011 và Điều 1 Nghị quyết số 02 ngày 29/7/2011, ngày 29/6/2012 ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 13/9/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo số 29 trả lại đơn khởi kiện cho ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y không đồng ý với Thông báo trả lại đơn khởi kiện ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y khiếu nại. Ngày 11/12/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 26 bác đơn yêu cầu khiếu nại của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y. Ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y tiếp tục khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 20/7/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết đơn khiếu nại lần thứ hai của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y tại Quyết định số 64 chấp nhận một phần yêu cầu khiếu nại của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y. Theo đó, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp cho hộ ông Quách Hải C và bà Trần Thị H vào ngày 23/01/2002, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số:

00038/QSDĐ với diện tích: 2.267m^2 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã làm việc bằng biên bản với ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y, yêu cầu ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y làm lại đơn khởi kiện để nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

Đất của ông Quách Hải C đang sử dụng trong vụ kiện này có nguồn gốc là đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé cấp cho ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y năm 1977 theo giấy phép số 288 và 314 ngày 04 và 20/7/1977.

Sau khi nhận đất, ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đã đầu tư công trình xây dựng nhà cửa trên đất và sử dụng đất hợp pháp được một thời gian.

Ông Hoàng Quốc D bị bắt, giam oan về hành vi mua bán xe trái phép do Nhà nước quản lý (ông Hoàng Quốc D đang thực hiện việc yêu cầu giải oan trong vụ khác) do bị bắt nên việc sử dụng đất của ông Hoàng Quốc D bị gián đoạn chứ không phải ông Hoàng Quốc D cố tình không sử dụng đất.

Trong thời gian ông Hoàng Quốc D bị bắt thì đất và tài sản trên đất của ông Hoàng Quốc D Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giao cho Sở giao thông Vận tải quản lý.

Trong khi ông Hoàng Quốc D đang khiếu nại đòi lại đất và tài sản trên đất, tài sản khác, chưa được giải quyết dứt điểm và các ban ngành chưa thi hành xong Quyết định 421 về việc hoàn trả lại tài sản cho ông Hoàng Quốc D thì Ủy ban nhân dân tỉnh lại thu hồi đất và tài sản trên đất của ông Hoàng Quốc D giao cho Phòng Cảnh sát kinh tế là việc làm "chồng chéo" vi phạm nguyên tắc.

Sau đó, Phòng Cảnh sát kinh tế lại chuyển nhượng cho ông Quách Hải C là trái pháp luật.

Như vậy, ông Quách Hải C đang sử dụng đất không có căn cứ pháp luật. Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa Phòng Cảnh sát kinh tế với ông Quách Hải C là hợp đồng trái pháp luật, không có giá trị pháp lý.

Nhà nước muốn thu hồi đất của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y để giao cho người khác thì phải bồi thường đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Vì ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y là người được Ủy ban nhân dân tỉnh mời đến đầu tư hợp tác, bị bắt oan, có quyết định hoàn trả tài sản.

Ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038/QSDĐ/H ngày 23/01/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho hộ ông Quách Hải C; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00311/QSDĐ/H ngày 13/5/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố)

Thủ Dầu Một cấp cho hộ bà Trần Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04667 ngày 27/02/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04779 ngày 04/4/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đỗ Thị Trang A1.

Tại bản tường trình ngày 14/3/2018, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là ông Nguyễn Trọng A trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00038/QSDĐ/H cho hộ ông Quách Hải C ngày 23/01/2002 là phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998 và năm 2001. Từ những cơ sở nêu trên, ông Ân đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét bác đơn khởi kiện của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038/QSDĐ/H ngày 23/01/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ ông Quách Hải C, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000311QSDĐ/H ngày 13/5/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ bà Trần Thị H, lý do việc Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tại văn bản số 2154/UBND-BTCD ngày 23/5/2018 của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là ông Mai Hùng D1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày:

Việc ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04667 ngày 27/02/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị H và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04779 ngày 04/4/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đỗ Thị Trang A1; vấn đề này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không có ý kiến giải trình liên quan đến việc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H và bà Đỗ Thị Trang A1.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quách Hải C là ông Phạm Hữu T1 trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Diện tích 931 m^2 đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038 ngày 23/01/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho hộ ông Quách Hải C là một phần trong tổng diện tích 2.677m^2 mà ông Quách Hải C và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng của Phòng Cảnh sát kinh tế Côns an tỉnh Bình Dương. Phần đất này tọa lạc tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Sông Bé. Nay là địa chỉ: T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm nhận chuyển

nhượng, trên đất còn có hệ thống nhà xưởng của bên bán. Việc chuyển nhượng giữa các bên là công khai, tự nguyện và được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Quách Hải C đã sử dụng ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

Trong quá trình sử dụng, ông Quách Hải C và bà H thống nhất chia đôi, mỗi người quản lý và sử dụng 1/2 (vì ông Quách Hải C và bà H đều có con riêng). Ông Quách Hải C được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận cho sử dụng 2.267m^2 thuộc thửa 137 tờ bản đồ số 27. Không đồng ý với yêu cầu kiện của người khởi kiện. Đề nghị được tiếp tục sử dụng phần đất mà ông Quách Hải C đã nhận chuyển nhượng công khai và ngay tình của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Sông Bé (Nay là Công an tỉnh Bình Dương). Kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại bản giải trình ngày 04/4/2018 của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương là ông Phạm Xuân N – Phó Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương trình bày:

Hộ bà Trần Thị H là chủ sử dụng thửa đất số 137 (163) tờ bản đồ số 27 toạ lạc tại phường Phú Thọ, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số 00311/QSDĐ-H ngày 13/5/2002. Tổng diện tích thửa: 1.336m², mục đích sử dụng của thửa đất sau khi xin chuyển mục đích là 205m² đất ở và 1.131m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 25/3/2015, người sử dụng đất thay đổi từ hộ bà Trần Thị H thành bà Trần Thị H (đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chỉnh lý giấy chứng nhận).

Ngày 13/02/2017, bà Trần Thị H liên hệ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND thành phố T (sau đây gọi là Bộ phận một cửa) nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bộ phận một cửa đã tiếp nhận hồ sơ của bà H tại Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 2017150800123/ TNHS). Theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý ngày 08/02/2017 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T lập thì diện tích thửa đất là 1.323m² (giảm 13m² so với giấp chứng nhận đã cấp); mục đích sử dụng đất: 205m² đất ở tại đô thị và 1.118m² đất trồng cây lâu năm. Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp đổi, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đã thẩm tra hồ sơ trình Văn phòng Đăng ký đất đai tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 293691 ngày 27/02/2017 cho bà Trần Thị H.

Ngày 13/3/2017, bà Trần Thị H tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Đỗ Thị Trang A1 (là con của bà H) theo Hợp đồng tặng cho QSDĐ có xác nhận của Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Gái, số công chứng: 2974, quyển số 03TP/CC – SCC/HĐGD.

Ngày 13/3/2017, bà Đỗ Thị Trang A1 đã liên hệ Bộ phận một cửa nộp hồ sơ nhận tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên (Bộ phận một cửa đã tiếp nhận hồ sơ của bà Trang Anh tại Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 2017150800235/TNHS). Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đã thẩm tra hồ sơ trình Văn phòng Đăng ký đất đai tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 348652 ngày 4/4/2017 cho bà Đỗ Thị Trang A1.

Căn cứ Điều 76, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 20, Điều 28 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về một số vấn đề liên quan đến thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận của bà Trần Thị H và tặng cho quyền sử dụng cho bà Đỗ Thị Trang A1 là đủ điều kiện giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04667 ngày 27/02/2017 cho bà Trần Thị H và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04779 ngày 04/4/2017 cho bà Đỗ Thị Trang A1 là đúng quy định pháp luật.

Từ căn cứ trên, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy việc ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04667 ngày 27/02/2017 cho bà Trần Thị H và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04779 ngày 04/4/2017 cho bà Đỗ Thị Trang A1 là không có cơ sở để thực hiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Trang A1 trình bày:*

Phần đất có diện tích 2.677m^2 tọa lạc tại xã P, thị xã T (nay là khu 3 Đường Trần Bình Trọng, phường Phú Thọ, thành phố T, tỉnh Bình Dương) có nguồn gốc đất do vợ chồng ông Quách Hải C, bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bình Dương vào ngày 29/6/1995 ký tên và lăn tay tại phòng công chứng vào ngày 14/10/1995.

Đến ngày 02/10/2001, bà H và ông C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 727/GCN/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Vào ngày 23/01/2002, ông C được cấp Giấy quyền sử dụng đất số 00032/QSDĐ/H. Đây là tài sản của bà H và ông C, nhưng khi được cấp sổ UBND thị xã T lại ghi hộ ông Quách Hải C. Do trước khi sống với nhau bà Trần Thị H và ông Quách Hải C đều có con riêng nhưng không có con chung nên để đảm bảo quyền lợi cho các con tránh sự tranh chấp về sau nên bà H, ông C lập bản thỏa thuận phân chia tài sản vào ngày 03/4/2002 và đến ngày 13/5/2002 UBND thị xã T có quyết định chấp thuận cho hộ ông Quách Hải C được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H theo số QSDĐ.2062/QDUB với diện tích 1.336m^2.

Vào ngày 13/5/2002, bà Trần Thị H được cấp giấy QSDĐ 00311/ QSDĐ/H nhưng do sơ xuất nên UBND thành phố T ghi cấp cho hộ bà Trần Thị H nên có khiếu nại và được điều chỉnh vào ngày 15/3/2015 là sổ ghi cấp cho cá nhân bà Trần Thị H, đến ngày 27/02/2017, bà H được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi được cấp giấy tờ hợp lệ bà Trần Thị H đã tặng cho QSDĐ phần đất 1.336m^2 (sau khi đo đạc còn lại 1.323m^2) cho bà Đỗ Thị Trang A1 (là con gái bà H) và bà Trang Anh cũng được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy CNQSDĐ, đất ở và các tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 04/4/2017.

Bà Trang Anh trình bày đất có nguồn gốc sang nhượng hợp pháp sử dụng liên tục, làm tròn nghĩa vụ thuế đất ở với nhà nước suốt thời gian dài và ổn định nên bà Trang Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Y. Làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Trang Anh.

Đối với tòa án yêu cầu bà H cung cấp bản sao hộ khẩu của ông Quách Hải C, thì hiện nay bà H và ông C không còn sống chung với nhau, giữa bà H và ông C chưa từng có chung hộ khẩu nên bà H không thể cung cấp cho Tòa án bản sao hộ khẩu của ông Quách Hải C.

** Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:*

Nội dung trình bày trong bản tự khai của bà Trần Thị H giống nội dung trình bày của bà Đỗ Thị Trang A1.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2018/HC-ST ngày 27/6/2018 của tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, khoản 2 Điều 79, 116, 134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 36 của Luật Đất đai 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998, năm 2001; Điều 76, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038/QSDĐ/H ngày 23/01/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho hộ ông Quách Hải C; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00311/QSDĐ/H ngày 13/5/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho hộ bà Trần Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04667 ngày 27/02/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04779 ngày 04/4/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đỗ Thị Trang A1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2018, ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng: Quyết định số 335/QĐ-UB ngày 07/02/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé thu hồi đất của xã P đang quản lý; quyết định trên không thu hồi đất và nhà xưởng của gia đình ông, Phòng Cảnh sát kinh tế - Công An tỉnh Sông Bé đã chiếm đất và nhà xưởng của gia đình ông, sau đó chuyển nhượng cho ông C bà H là trái pháp luật, nên ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu hủy các giấy chứng nhận đã cấp QSDĐ cho ông C bà H và bà Anh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y cho rằng gia đình ông D bà Y đang khiếu nại yêu cầu UBND tỉnh Bình Dương giải quyết trả lại nhà đất, nhưng các cơ quan của tỉnh Bình Dương vẫn giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất cho gia đình ông C bà H là không đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 335/QĐ-UBND thu hồi nhà xưởng và 2.677,5m^2 đất của xã P, không có sơ đồ vị trí đất nên không xác định được diện tích đất thu hồi có thuộc quyền sử dụng của ông D bà Y hay không. Đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông D bà Y sửa án sơ thẩm hủy các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất đã cấp cho ông C, bà H và bà Anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, người khởi kiện tuân thủ đúng pháp luật, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, nên đề nghị xét xử vắng mặt họ là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Quyết định số 335/QĐ-UBND thu hồi của xã P 2.677m^2 đất cấp cho Phòng Cảnh sát kinh tế tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương), sau đó Phòng Cảnh sát kinh tế tỉnh Sông Bé chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông C bà H; trong Quyết định số 335/QĐ-UBND thu hồi 2.677m^2 của xã P, nhưng thực tế lại thu hồi đất và nhà xưởng của ông D bà Y, nay ông D bà Y khởi kiện yêu cầu hủy các giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà và sử dụng đất đã cấp cho ông C, bà H và bà Anh có liên quan trực tiếp đến đến Quyết định số 421/QĐ-UBND và Quyết định số 335/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) nhưng không xem xét các quyết định trên là vi phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục tố tụng chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

Đơn kháng cáo của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y hợp lệ, được chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038/QSDĐ/H ngày 23/01/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho hộ ông Quách Hải C, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000311/QSDĐ/H ngày 13/5/2002 do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho hộ bà Trần Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04667 ngày 27/02/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04779 ngày 04/04/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đỗ Thị Trang A1 thì thấy:

[1]. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp hủy giấy CNQSDĐ" là đúng quan hệ tranh chấp; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa hành chính - Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một và của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương là đúng theo quy định tại Điều 36 Luật đất đai năm 1993 và Điều 105 Luật đất đai năm 2013.

[3]. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Quách Hải C, cho hộ bà Trần Thị H, cho bà Đỗ Thị Trang A1 thì thấy:

- Diện tích đất 2.677m^2 hộ ông Quách Hải C, hộ bà Trần Thị H và bà Đỗ Thị Trang A1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm trong khu đất có diện tích 10.000m^2, do Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé cấp cho ông Hoàng Quốc D để xây dựng xưởng sửa chữa cơ giới Sông Bé, theo Giấy phép cấp đất số 314 ngày 20/7/1977; đến ngày 08/7/1985, ông Hoàng Quốc D được cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất 10.000m^2 tại thửa số 211, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã P, thị xã T, tỉnh Sông Bé và gia đình ông Hoàng Quốc D đã đóng thuế nhà đất từ năm 1990 cho đến năm 2016.

- Ngày 12/11/1991, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé ban hành Quyết định số 421/QĐ-UB, về việc trả lại tài sản (trong đó có nhà xưởng và quyền sử dụng đất)

cho ông Hoàng Quốc D; trong thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan để trả lại tài sản cho ông Hoàng Quốc D thì ngày 07/02/1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé lại ban hành Quyết định số 335/QĐ-UB về việc thu hồi khu đất 2.677m^2 của xã P; đất tọa lạc tại ấp Phú Thọ Trong, xã P, thị xã T và giao cho Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé để xây dựng nhà xưởng sản xuất;

- Nay ông Hồ Quốc D2 cho rằng Quyết định số 335/QĐ-UB về việc thu hồi khu đất 2.677m^2 của xã P đang quản lý và giao cho Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé; chứ không phải thu hồi đất và nhà xưởng của gia đình ông Hồ Quốc D2, nhưng Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé đã chiếm 2.677m^2 đất và nhà xưởng của ông Hồ Quốc D2; sau đó Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé chuyển nhượng toàn bộ đất và nhà xưởng cho vợ chồng ông Quách Hải C, bà Trần Thị H. Nay vợ chồng ông Hồ Quốc D2 yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Quách Hải C, cho hộ bà Trần Thị H, cho bà Đỗ Thị Trang A1 thì thấy:

[3.1]. Yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hồ Quốc D2 có liên quan trực tiếp đến Quyết định số 335/QĐ-UB ngày 07/02/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé, về việc thu hồi khu đất 2.677m^2 của xã P, giao cho Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé và Quyết định số 421/QĐ-UB Ngày 12/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé về việc trả lại tài sản cho ông Hoàng Quốc D, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của hai quyết định trên là vi phạm khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3.2]. Phải đưa Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, để Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Bình Dương cung cấp tài liệu, chứng cứ và làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, để xác định khu đất 2.677m^2 và nhà xưởng trên đất của gia đình ông Hoàng Quốc D có đúng là Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé đã thu hồi bằng Quyết định số 335/QĐ-UB ngày 07/02/1993 hay không?

Nếu xác định không đúng thì việc khiếu nại, việc kháng cáo của ông Hồ Quốc D2 cho rằng Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé đã chiếm đất và nhà xưởng của gia đình ông Hồ Quốc D2, sau đó chuyển nhượng cho vợ chồng ông Quách Hải C, bà Trần Thị H là có căn cứ.

Nếu xác định đúng thì cấp sơ thẩm cần phải xem xét Quyết định số 421/QĐ-UB ngày 12/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé về việc trả lại tài sản cho ông Hoàng Quốc D có bị thu hồi hay hủy bỏ bằng một Quyết định nào khác không? Nếu không thì Quyết định số 335/QĐ-UB ngày 07/02/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé về việc thu hồi diện tích đất 2.677m^2 và nhà xưởng trên đất của vợ chồng ông Hồ Quốc D2, để giao cho Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sông Bé là trái với quy định tại Điều 21, Điều 28 Luật đất đai năm 1993.

[4]. Từ những phân tích trên, cần phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà Tòa cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được; nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhất trí quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ

Chí Minh, hủy bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng pháp luật.

Ông Hồ Quốc D2 và bà Nguyễn Thị Bạch Y không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y;

Tuyên xử:

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2018/HC-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y không phải chịu, trả lại cho ông Hoàng Quốc D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026772 ngày 10/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; trả lại cho bà Nguyễn Thị Bạch Y số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026773 ngày 10/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NKK(2);
- NBK(2);
-NLQ(3);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý